

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KH**

**Bản án số: 94/2018/HSPT
Ngày: 17/8/2018**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **TRẦN THỊ THANH TUYẾT**

2/ Ông **NGUYỄN TUẤN LONG**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **PHẠM LÊ TRÚC QUỲNH** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh KH

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH tham gia phiên tòa:* Ông **NGUYỄN VĂN NHƠN** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 102/2018/HSPT ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN NGỌC T - Sinh năm 1982 tại KH

Nơi cư trú: 31B CLT, phường VT, thành phố NT, tỉnh KH.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Ngọc C – sinh năm 1949 và bà: Nguyễn Thị T – sinh năm 1949

Tiền sự: Không

Tiền án:

- Bản án số 181 ngày 19/10/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/7/2010.

- Bản án số 58 ngày 12/3/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 3 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2015.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/10/2017; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài, khoảng 1 giờ 00 ngày 07/10/2017, Nguyễn Ngọc T mang theo một bộ đồ án phá khóa xe máy đi lòng vòng khu vực VH, NT với mục đích xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến ngã ba đường ĐBP và đường 2/4 thì gặp M mập (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). T rủ M cùng nhau đi trộm cắp tài sản. M đồng ý và điều khiển xe máy hiệu Sirius có số khung RLCS1FC40FY030223, số máy 1FC00YV8, gắn biển kiểm soát 79H1-296.73 nhưng được dán keo đen thay đổi biển kiểm soát thành 79N1-296.78 chở T đến khu phòng trọ tại 208 đường 2/4, VH, NT. Thấy cửa ngoài không khóa nên M dừng xe máy lại, đứng ở ngoài cảnh giới còn T đi bộ vào trong trộm cắp tài sản. Thấy xe máy hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 78D1-208.32 do anh Trần Hữu Q quản lý, sử dụng dựng trong đường luồng không khóa cổ xe, T dùng đồ án mở khóa nhưng không được nên dắt xe máy ra ngoài, ngồi lên xe để M đẩy đi. Khi đến đường ĐBP, VH, NT thì bị lực lượng tuần tra Công an phường VH kiểm tra, phát hiện và bắt giữ đưa T và tang vật về trụ sở làm việc, còn M bỏ chạy thoát.

Qua quá trình điều tra thì xác định xe máy Sirius có số khung RLCS1FC40FY030223, số máy 1FC00YV8 không thuộc sở hữu hợp pháp của ai. Biển kiểm soát 79H1-296.73 là biển số xe máy hiệu AirBlade của anh Nguyễn Hữu D đã bị mất cắp vào tháng 9/2017. Tuy nhiên xe máy này không liên quan đến vụ án nên không xem xét, giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 338/TCKH ngày 10/10/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố NT kết luận: xe máy hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 78D1-208.32 có giá trị 43.680.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 2 điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Ngọc T 3 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2017.

Ngày 21/5/2018, bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Ngọc T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho Tòa án nhân dân thành phố NT vào ngày 21/5/2018, có xác nhận của cán bộ quản giáo Nhà tạm giữ Công an thành phố NT vào ngày 21/5/2018. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc

thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố NT. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để xác định rằng, vào ngày 07/10/2017, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Hữu Q một xe máy hiệu Exciter biển kiểm soát 78D1-208.32 có giá trị 43.680.000 đồng. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố NT kết án hai lần theo các bản án số 181/2004/HSST ngày 19/10/2004 và bản án số 58/2013/HSST ngày 12/3/2013, trong đó bản án số 58/2013/HSST ngày 12/3/2013 đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/9/2015, tuy nhiên chưa chấp hành phần án phí và hình phạt tiền bổ sung của bản án số 58/2013/HSST ngày 12/3/2013, đến ngày 07/10/2017 bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe nhưng không lao động chân chính mà có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T theo quy định của pháp luật và xử phạt bị cáo mức hình phạt 3 năm 6 tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có tình tiết giảm nhẹ nào khác để xem xét nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 355, điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo NGUYỄN NGỌC T 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2017.

2/ **Về án phí:** Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KH
- Công an TP NT
- VKSND TP NT
- Chi cục THADS TP NT
- TAND TP NT
- Sở Tư pháp tỉnh KH
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

LÂM VƯƠNG MỸ LINH